TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KT** **TỈNH KT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 20/5/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KT, TỈNH KT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiền và ông A Ưm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kt, tỉnh Kt.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kt xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 161/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 về việc "*Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh H L, sinh năm 1980;
- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị T Ng, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: 165/5 Tr C, Tổ 3, phường Tr C, thành phố Kt, tỉnh Kt, cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh H L trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Quan hệ hôn nhân: Anh H L và chị Nguyễn Thị T Ng tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/01/2010 tại UBND xã Duy Thành, huyện DX, tỉnh Q N. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, ngày càng trầm trọng, hai người đã ly thân, không quan tâm đến nhau, anh L không còn tình cảm yêu thương chị Ng, nên đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị Ng.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 02 con chung, Hứa Nguyễn T V, sinh ngày 11/8/2010 và Hứa H K, sinh ngày 18/5/2014. Anh L đề nghị giao 02 con chung cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 8.000.000 đồng.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không nợ chung.

- Ý kiến của bị đơn chị Nguyễn Thị T Ng: Chị Ng đồng ý với lời khai của anh L về mối quan hệ hôn nhân về con chung giữa chị với anh L. Chị Ng đồng ý ly hôn anh L, chị nhận trực tiếp nuôi 02 con chung; đồng ý mức cấp dưỡng

nuôi con mỗi tháng 8.000.000 đồng/02 con. Tài sản không yêu cầu giải quyết. Không nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- *Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn chị Ng trú tại thành phố Kt. Nên xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kt theo quy định tại khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

- *Xét xử vắng mặt anh L và chị Ng*: Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Ng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 238 của BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt anh L và chị Ng.

Về nội dung:

[1] *Quan hệ nhân*: Anh H L và chị Nguyễn Thị T Ng tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/01/2010 tại UBND xã Duy Thành, huyện DX, tỉnh Q N, nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai thừa nhận của anh L và chị Ng, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Ng cũng đồng ý ly hôn, nên anh L yêu cầu ly hôn chị Ng là có cơ sở được chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Anh L đề nghị giao cháu Vy và cháu Khánh cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chị Ng đồng ý và phù hợp với nguyên vọng của 02 cháu, nên được chấp nhận.

[3] *Cấp dưỡng con chung*: Anh L nhận cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 8.000.000 đồng/02 con kể từ khi bán án có hiệu lực, được chị Ng đồng ý và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Yêu cầu ly hôn của anh L được chấp nhận, nên anh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 210 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ các điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh H L đối với chị Nguyễn Thị T Ng về tranh chấp *"Ly hôn, yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con"*.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh H L được ly hôn chị Nguyễn Thị T Ng.

2. *Nuôi con chung*: Giao con chung Hứa Nguyễn T V, sinh ngày 11/8/2010 và Hứa H K, sinh ngày 18/5/2014 cho chị Nguyễn Thị T Ng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi.

Anh H L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. *Cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh H L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng **8.000.000** (Tám triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực đến khi các con đủ 18 tuổi.

Trách nhiệm do chậm cấp dưỡng: Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015. Kể từ ngày đến hạn cấp dưỡng và chị Nguyễn Thị T Ng có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên mà anh H L chậm cấp dưỡng thì phải chịu lãi suất do chậm cấp dưỡng. Lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa cấp dưỡng.

4. *Về án phí, chi phí tố tụng*: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a, b khoản 1 Điều 24, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Anh H L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0000139 ngày 14/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố KonTum. Anh L đã nộp đủ 300.000 đồng tiền án phí.

4.2. Anh H L phải chịu **300.000** (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. *Quyền kháng cáo*: Anh L và chị Ng được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THADS TP KonTum;
- UB xã Duy Thành,DX,Q N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Xuân Hoài